

Số: **139/2025/QĐST-HNGĐ**

Hàm Yên, ngày 26 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 131/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 3 T, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 3 T, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc T, chức vụ: Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Ngọc Q, chức vụ: Phó Giám đốc; địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Mực, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số 08 do Ủy ban nhân dân xã Minh Hương,

huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 21/01/2010 cho chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn L không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị T và anh L xác định có 02 con chung là cháu Hoàng Thế V, sinh ngày 07/01/2010 và cháu Hoàng Thanh H, sinh ngày 06/05/2012. Giao cháu Hoàng Thế V và cháu Hoàng Thanh H cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Các đương sự cùng xác định có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H số tiền 95.000.000đ (*Chín mươi lăm triệu đồng chẵn*). Các đương sự tự thỏa thuận cụ thể như sau, chị T có nghĩa vụ trả 45.000.000đ, anh L có nghĩa vụ trả 50.000.000đ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H.

Đối với toàn bộ số tiền nợ phải trả, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002912 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, trả lại cho chị T số tiền 150.000đ; chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, số tiền 1.125.000đ (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí được trả lại 150.000đ, chị T còn tiếp tục phải nộp số tiền 975.000đ (*Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

Anh Hoàng Văn L không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; anh Hoàng Văn L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, số tiền 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Hoàng Văn L chưa nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Minh H (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Cao Tiến